TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 10-2019
V/v: " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trí.

2. Ông Nguyễn Văn Ba.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 609/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc: "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Công P, sinh năm 1975.

-***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1B, xã P, huyện L,T.Đồng Nai.

(Anh P có mặt, chị C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Công P trình bày: Anh và chị C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn, chung sống đến năm 2017 thì tự chấm dứt không chung sống với nhau nữa vì cả hai không còn tình cảm nên mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh đề nghị được ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 03 con chung.

1, Nguyễn Công N, sinh năm 1998.

2, Nguyễn Công Đ, sinh năm 2000

3, Nguyễn Công N, sinh ngày 14/7/2002.

Hiện cháu N và cháu Đ đã trưởng thành còn cháu N đang sống với chị C, anh đề nghị để bà C tiếp tục nuôi cháu N, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2000.000 đồng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

-Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 8 năm 2019, bị đơn chị Nguyễn Thị Bé C trình bày: Chị và anh P chung sống với nhau vào năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P có quan hệ tình cảm với người khác nên đã tự sống ly thân nhau hai năm nay, chị đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P.

Về con chung: Có 03 con chung:

1, Nguyễn Công N, sinh năm 1998.

2, Nguyễn Công Đ, sinh năm 2000

3, Nguyễn Công N, sinh ngày 14/7/2002.

Chị đồng ý tiếp tục nuôi cháu N, anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2000.000 đồng, chị đồng ý.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Chị Chi có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Anh P và chị C chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Công N, sinh ngày 14/7/2002 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2000.000 đồng, chị C đồng ý nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986. Quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận nên căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Công P và chị Nguyễn Thị Bé C.

[3] Về con chung: Anh P và chị C có 03 con chung.

1, Nguyễn Công N, sinh năm 1998.

2, Nguyễn Công Đ, sinh năm 2000

3, Nguyễn Công N, sinh ngày 14/7/2002.

Hiện cháu N và cháu Đ đã trưởng thành còn cháu N đang sống với chị C. Anh P đồng ý để chị C tiếp tục nuôi cháu N, qua tham khảo ý kiến của cháu N cũng có nguyện vọng được sống với chị C. Do đó, giao cháu N cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2000.000đồng, ý kiến của chị C cũng đồng ý nên ghi nhận.

[4] Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Công P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 ; khoản 1 Điều 227 ; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986; Nghị quyết số 35/NQ-QH10 ngày 09/6/20000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Công P và chị Nguyễn Thị Bé C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công N, sinh ngày 14/7/2002 cho chị Nguyễn Thị Bé C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Công P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2000.000 đồng.

Anh Nguyễn Công P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

3. Tài sản chung, nợ chung : Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Công P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0005405 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh P còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Bé C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Công P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Anh Nguyễn Công P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Bé C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân | Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Trí –Nguyễn Văn Ba | **Nguyễn Thị Kim Liên**

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. Long Thành.
-THA H. Long Thành.
-Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên